

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;  
Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Liên Bộ: Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND ngày 05/4/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum khóa X, kỳ họp chuyên đề về quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Công văn số 20/TTr-STP ngày 21/2/2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Sở Tư pháp, Sở Tài chính phối hợp hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định.

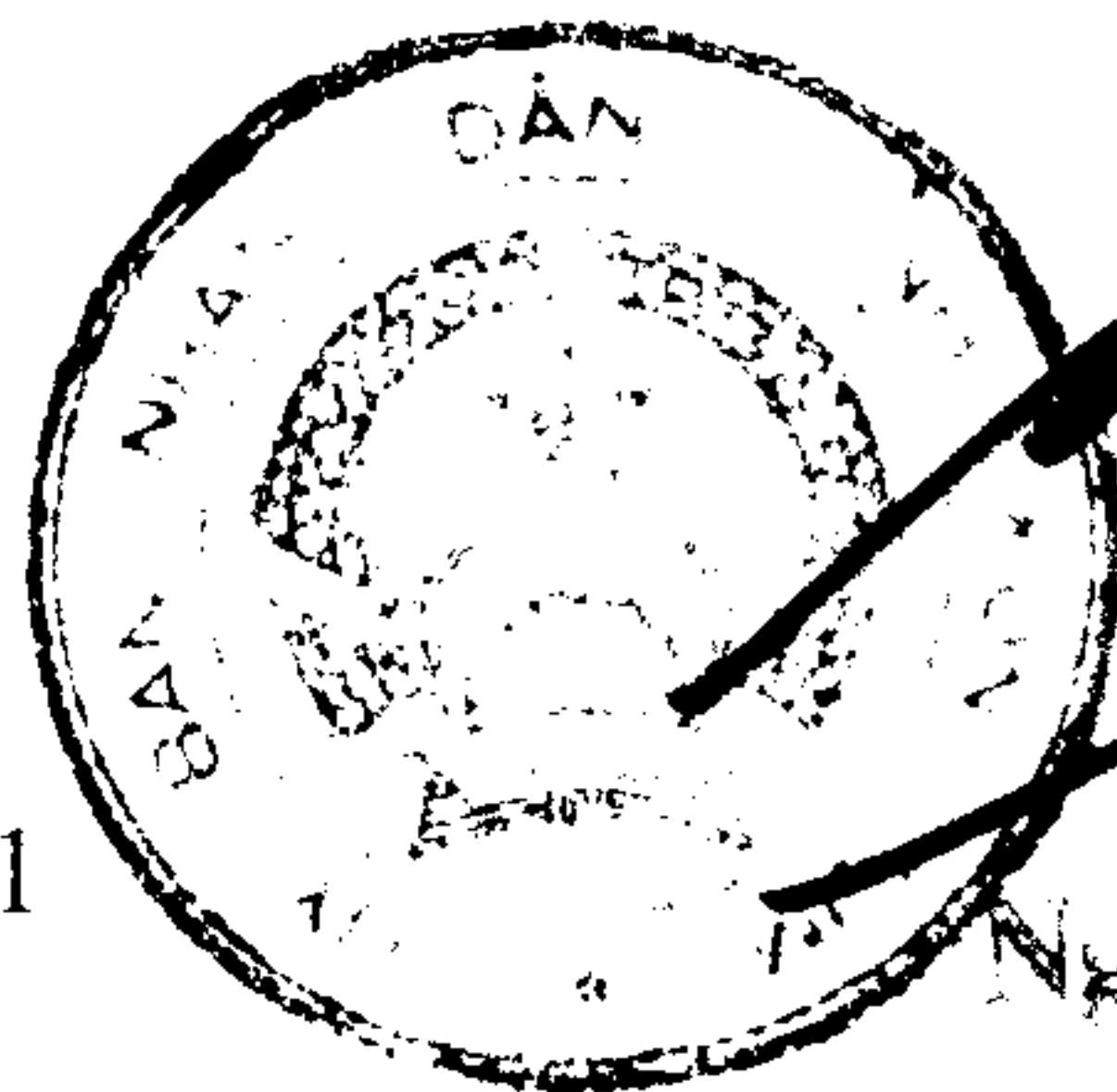
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công báo UBND tỉnh;
- Lưu VT-KTTH(3).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**PHỤ LỤC**

**MỨC CHI ĐẢM BẢO CHO CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QPPL**

(Kèm theo Quyết định số *16* /2012/ QĐ-UBND ngày 25/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh KonTum)

| TT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính            | Mức chi<br>(1.000 đồng) | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|---------|
| 1  | Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra |                        |                         |         |
| a  | Chủ trì cuộc họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Người/buổi             | 150                     |         |
| b  | Các thành viên tham dự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Người/buổi             | 100                     |         |
| 2  | Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 01 báo cáo/ 01 văn bản | 600                     |         |
| 3  | Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 01 văn bản             | 70                      |         |
| 4  | Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                        |                         |         |
| a  | Mức chi chung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 01 văn bản             | 100                     |         |
| b  | Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 01 văn bản             | 300                     |         |
| 5  | Chi soạn thảo, viết báo cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                        |                         |         |
| a  | Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 01 báo cáo             | 200                     |         |
| b  | Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực (bao gồm cả báo cáo liên ngành và báo cáo của từng Bộ, ngành, địa phương)                                                                                                                                                                                                | 01 báo cáo             | 500                     |         |
|    | Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 01 báo cáo             | 1.000                   |         |
| c  | Báo cáo hàng năm, đột xuất về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên toàn quốc                                                                                                                                                                                                                                                               | 01 báo cáo             | 3.000                   |         |

| TT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính                 | Mức chi<br>(1.000 đồng) | Ghi chú                                                                                                                                                                          |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng                                                                                                                                                                      |                             |                         | Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp                                                                                                                                |
| 7  | Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản                                                                                                                                                                                                                      |                             |                         |                                                                                                                                                                                  |
| a  | Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 62 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/3/2009 của CP | 01 báo cáo                  | 100                     |                                                                                                                                                                                  |
| b  | Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật                                                                                                        |                             |                         |                                                                                                                                                                                  |
| -  | Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí                                                                                                                                                                                                                            |                             |                         | Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp                                                                                                                                |
| -  | Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn                                                                                                                                                                                                            | 01 tài liệu<br>(01 văn bản) | 70                      | Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo |
| 8  | Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản                                                                                                                                                                                    |                             |                         | Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp                                                                                                                                        |
| 9  | Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm ...                                                                                                                                                                                                       |                             |                         | Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được chủ trưởng cơ quan phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.          |